

# Đổi mới quản lí hoạt động học tập của học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Kiên Giang theo hướng tiếp cận năng lực người học

**Thieu Văn Nam**

Sở Giáo dục và Đào tạo Kiên Giang  
131 đường Đồng Đa, thành phố Rạch Giá,  
tỉnh Kiên Giang, Việt Nam  
Email: namtv.khtc@kiengiang.edu.vn

**TÓM TẮT:** *Quản lí hoạt động học tập của học sinh là tạo cho người dạy và người học một sự liên kết chặt chẽ, không những bởi cơ chế hoạt động của tổ chức mà còn bởi hoạt động của chính bản thân giáo viên và học sinh. Học sinh luôn đóng vai trò là mục tiêu hướng đến cuối cùng sao cho quá trình thực hiện giáo dục đạt đến kết quả cao nhất. Bài viết cung cấp một số nội dung về quản lí hoạt động học tập của học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Kiên Giang theo hướng tiếp cận năng lực người học.*

**TỪ KHÓA:** **Đổi mới; trường phổ thông dân tộc nội trú; quản lí hoạt động học tập; tiếp cận năng lực người học.**

→ Nhận bài 12/8/2020 → Nhận bài đã chỉnh sửa 07/9/2020 → Duyệt đăng 25/11/2020.

## 1. Đặt vấn đề

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đặc biệt quan tâm phát triển nguồn nhân lực đối với đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) miền núi thông qua các văn bản của Quốc hội, trong đó điển hình như: Nghị định số 49/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2006/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ quy định Chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục (GD) trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp thuộc hệ thống GD quốc dân; Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo (ĐT) nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”; Quyết định 449/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020. Đặc biệt, Báo cáo chính trị Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII đã nêu rõ nhiệm vụ: “*Nâng cao chất lượng GD&ĐT, chất lượng nguồn nhân lực và chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ người DTTS*”.

Tỉnh Kiên Giang nằm ở phía Tây Nam của Tổ quốc. Dân số chung của tỉnh Kiên Giang vào khoảng 1,8 triệu người, có nhiều dân tộc sinh sống (gồm các dân tộc chính là Kinh, Khmer và Hoa), trong đó chủ yếu là dân tộc Kinh, đồng bào Khmer có 49.789 hộ với 213.310 người, chiếm khoảng 13% dân số trong toàn tỉnh, đứng thứ ba trong khu vực (sau tỉnh Trà Vinh và Sóc Trăng), các DTTS khác có 239 hộ với 1.256 người chiếm 0,07%.

Cùng với cả nước, khi mới bắt đầu thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tỉnh Kiên Giang là một trong những tỉnh nguồn nhân lực khá thấp, tỉ lệ học sinh (HS) trong toàn tỉnh/1 vạn dân khá khiêm tốn. Do vậy, việc nâng cao hoạt động học tập (HĐHT) theo tiếp cận năng lực (NL) cho HS dân tộc DTTS là vấn đề cấp bách, góp

phần phát triển toàn diện nguồn nhân lực của tỉnh. HS DTTS cấp Tiểu học, Trung học cơ sở (THCS), Trung học phổ thông (THPT) ở Kiên Giang luôn được tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình học tập, chuẩn bị hành trang bước qua giai đoạn GD định hướng nghề nghiệp, trong đó, nâng cao chất lượng quản lí (QL) HĐHT của HS DTTS ở các trường phổ thông dân tộc nội trú (DTNT) của tỉnh Kiên Giang theo hướng tiếp cận NL người học là cần thiết.

## 2. Nội dung nghiên cứu

Để tiến hành nghiên cứu QL HĐHT của HS ở các trường phổ thông DTNT tỉnh Kiên Giang, chúng tôi đã sử dụng phương pháp điều tra bảng hỏi là chủ yếu, đồng thời kết hợp sử dụng phương pháp phỏng vấn, xin ý kiến chuyên gia và thống kê toán học. Đối tượng khảo sát gồm 19 cán bộ QL (CBQL), 60 giáo viên (GV) và 300 HS ở 06 trường phổ thông DTNT trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (bao gồm: 01 trường THPT DTNT tỉnh và 05 trường THCS DTNT huyện).

### 2.1. Quản lí hoạt động học tập học sinh theo hướng tiếp cận năng lực người học

HĐHT có thể xem như việc chủ thể phải thực hiện một nhiệm vụ học tập với mục đích, động cơ cụ thể, rõ ràng của mình nhằm đạt được mục tiêu đề ra đó là nắm vững tri thức, KN, kĩ xảo cho một vấn đề nào đó mà chính mình đặt ra từ trước để tiến hành hoạt động.

Từ những năm 90 của thế kỉ XX đến nay, GD định hướng tiếp cận NL người học đã trở thành xu hướng GD quốc tế nhằm mục tiêu phát triển NL người học, thể hiện ở các đặc trưng cơ bản sau:

**Thứ nhất, mục tiêu GD:** Chú trọng hình thành phẩm

chất và NL thông qua việc hình thành kiến thức, KN; mục tiêu GD được mô tả chi tiết và có thể quan sát, đánh giá được. Học để sống, *học để biết làm*.

**Thứ hai, nội dung GD:** Được lựa chọn nhằm đạt được kết quả đầu ra đã quy định; chương trình chỉ quy định những nội dung chính. Chú trọng các KN thực hành, vận dụng lí thuyết vào thực tiễn. Nội dung chương trình, sách giáo khoa không quá chi tiết, có tính mở nên tạo điều kiện để người dạy dễ cập nhật tri thức mới.

**Thứ ba, phương pháp dạy học:** Người dạy chủ yếu là người tổ chức, hỗ trợ trò chiếm lĩnh tri thức, chú trọng phát triển khả năng giải quyết vấn đề của trò. Giáo án được thiết kế phân nhánh, có sự phân hóa theo trình độ và NL. Người học có nhiều cơ hội được bày tỏ ý kiến, tham gia phản biện. GV sử dụng nhiều phương pháp dạy học tích cực (giải quyết vấn đề, tự phát hiện, trải nghiệm...) kết hợp phương pháp truyền thống. QL HS phát triển NL là lấy người học làm trung tâm, sử dụng các phương pháp dạy học tích cực kết hợp truyền thống, thầy chủ yếu giữ vai trò dẫn dắt, tổ chức, trò chủ động. Từ đó, phát huy tối đa NL giải quyết vấn đề, NL sáng tạo và tự học của người học.

**Thứ tư, môi trường học tập:** Người dạy có thể đứng phía sau, đứng ở gần, ở xa... để điều khiển nhóm học tập, tạo không khí cởi mở, thân thiện trong lớp học. Lớp học có thể ở không gian ngoài trời, ở thực địa, có thể kê bàn ghế quây vào nhau...

**Thứ năm, về đánh giá:** Thể hiện rõ ở sản phẩm “đầu ra” có vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn được hay không, học và có biết làm không; người học được tham gia vào quá trình đánh giá, nâng cao NL phản biện, một phẩm chất rất quan trọng của con người thời kì hiện đại.

**Thứ sáu, về sản phẩm GD:** Người học không phụ thuộc vào giáo trình/tài liệu/sách giáo khoa; là những con người năng động, tự tin.

Như vậy, QL HĐHT ở trường phổ thông DTNT theo hướng tiếp cận NL người học có thể hiểu là việc tác động có định hướng, có chủ đích của chủ thể QL trường phổ thông DTNT (hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và GV) đến khách thể QL (HS), nhằm làm cho công tác QL HĐHT của trường phổ thông DTNT vận hành suôn sẻ và đạt được mục đích của công tác QL mà nhà trường đề ra. Muốn vậy, CBQL các trường PTDTNT phải thực hiện tốt các nhiệm vụ: Hoạch định, tổ chức, điều khiển và kiểm tra giám sát. Tổ chức hình thức hoạt động học đa dạng; chú ý các hoạt động xã hội, ngoại khóa, nghiên cứu khoa học, trải nghiệm sáng tạo; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học. CBQL các trường PTDTNT cần phải nắm vững lí luận QL hoạt động học theo hướng tiếp cận NL người học, cũng như các yêu cầu đổi mới GD phổ thông để xây dựng các giải pháp QL hoạt động học theo hướng tiếp cận NL người học phù hợp với đặc điểm tâm

sinh lí của HS ở trường vừa mang tính phổ thông, vừa mang tính dân tộc, vừa mang tính nội trú và đạt được mục tiêu GD đã đề ra.

## 2.2. Thực trạng quản lí học sinh ở các trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Kiên Giang

### 2.2.1. Tính chất chuyên biệt học sinh ở các trường phổ thông dân tộc nội trú của tỉnh Kiên Giang

Toàn tỉnh Kiên Giang có 06 trường phổ thông DTNT (01 trường phổ thông DTNT tỉnh có 12 lớp với 417 HS; 05 trường PTDTNT huyện có 40 lớp với 1.221 HS), chiếm 1,24% HS của toàn tỉnh (gồm HS THPT và THCS). Các trường phổ thông DTNT của tỉnh Kiên Giang là một môi trường học tập đa văn hóa, đa dân tộc. Các em HS được tuyển vào các trường phổ thông DTNT của tỉnh Kiên Giang bao gồm HS nhiều thành phần dân tộc khác nhau, đa số là dân tộc Khmer (95,2% Khmer, 1,3% Chăm, 1,9% Hoa, 1,6% Kinh) từ nhiều địa phương khác nhau (ở vùng sâu, vùng hải đảo...) về cùng chung sống học tập (vừa học tập, vừa tham gia hoạt động GD - văn hóa, nghỉ ngơi tại trường). Mỗi HS có những đặc điểm riêng về ngôn ngữ, văn hóa, phong tục tập quán... đem lại những khó khăn nhất định trong quá trình QL các em.

*Đặc điểm tâm lí nhận thức và tâm lí của HS ở các trường phổ thông DTNT có đặc thù như sau:*

- *Về tình cảm:* HS DTNTS có tình cảm chân thực, mộc mạc, yêu ghét rạch ròi, song biểu hiện rất thâm kín, ít bộc lộ. Các em rất gắn bó với gia đình, phum, sroc, bản làng, với người thân của mình. Các em rất coi trọng tình cảm và thường giải quyết các vấn đề bằng tình cảm.

- *Về lối sống:* Các em sống hồn nhiên, giản dị, chất phác, thật thà, có quan hệ trung thực với mọi người và mong muốn có quan hệ chân thành, có trách nhiệm với công việc được giao, nhưng lại có tính bảo thủ và tự ti, khó thích nghi với môi trường và hoàn cảnh mới, môi trường mới.

- *Về đặc điểm tư duy:* Đặc điểm nổi bật của HS DTNTS là khả năng tư duy bằng trực quan - hình ảnh. Các em ưa thích lối tư duy với sự vật, hình ảnh cụ thể gắn gũi với đời sống của mình. Tuy nhiên, các em dễ thừa nhận điều người khác nói, ít đi sâu tìm hiểu nguyên nhân, diễn biến và hậu quả của sự vật, hiện tượng; NL phân tích, tổng hợp và khái quát hóa ở các em còn hạn chế trong từng với hoàn cảnh còn chậm.

- *Về ngôn ngữ:* HS DTNTS được học tiếng mẹ đẻ từ thuở lọt lòng, được xem là ngôn ngữ chủ yếu của dân tộc. Do vậy, khi tới trường học tiếng Việt, các em gặp không ít khó khăn nhất định, đặc biệt là cách phát âm, viết chữ các em hay lờn ghép tiếng Khmer và tiếng Việt khi nói hay viết. Các em thường hiểu và trả lời khá đơn giản theo thói quen cách diễn đạt ngôn ngữ của mình.

Đây là loại trường phổ thông DTNT được Nhà nước

thành lập cho con em DTTS, con em gia đình các dân tộc định cư lâu dài tại các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhằm góp phần tạo nguồn ĐT cán bộ và nguồn nhân lực có chất lượng cho tỉnh (Ví dụ: huyện Gò Quao, huyện Giang Thành, huyện Giồng Riềng, Hà Tiên...). Vì vậy, 100% các em là người DTTS với đặc điểm chung nhất là HS mới tuyển vào trường hằng năm có chất lượng khá thấp, nhận thức của các em thường không đồng đều nhau. Đặc biệt là, các môn khoa học tự nhiên, kiến thức các lớp dưới của các em trống rất nhiều. Đồng thời, do hoàn cảnh kinh tế, hầu hết gia đình có con em vào học các trường phổ thông DTNT chủ yếu là thuộc diện khó khăn (Theo tỉ lệ hộ nghèo trong toàn tỉnh Kiên Giang thì tỉ lệ đồng bào dân tộc chiếm khá cao: 13% dân số trong toàn tỉnh) và nhận thức về vai trò của GD, về việc học hành của con cái còn giới hạn... nên các gia đình ít có sự quan tâm đến việc học tập của con em mình.

**2.2.2. Thực trạng chất lượng giáo dục ở các trường phổ thông dân tộc nội trú của tỉnh Kiên Giang**

Qua kết quả thống kê ở Bảng 1 cho thấy, tỉ lệ HS đạt loại yếu ở các trường phổ thông DTNT còn cao, trong đó tỉ lệ HS yếu cao nhất là Trường THCS DTNT Châu Thành (5,7%); tỉ lệ HS đạt giới toàn diện khá thấp, trong đó tỉ lệ HS Giỏi cao nhất là 13,0% ở Trường THCS DTNT Gò Quao; thấp nhất là Trường phổ thông DTNT tỉnh Kiên Giang có tỉ lệ là 6,7%, còn lại chủ yếu là HS đạt tỉ lệ trung bình. Những kết quả trên đây chứng tỏ rằng, chất lượng GD của các trường phổ thông DTNT trong tỉnh nhìn chung chưa đồng đều, các em HS DTTS có tỉ lệ học tập đạt giới và khá còn khá khiêm tốn; NL thực hiện nhiệm vụ học tập của chủ thể học tập là HS có nhiều biểu hiện chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ theo mục tiêu nhiệm vụ học tập đề ra. HS chưa có KN học tập hiệu quả làm ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả học tập của mình. Chính vì vậy, việc QL HS ở các trường phổ thông

DTNT tại tỉnh Kiên Giang cần phải theo hướng tiếp cận NL của HS, là yếu tố góp phần nâng cao chất lượng học tập của các em.

**2.2.3. Thực trạng nhận thức của cán bộ quản lí, giáo viên, học sinh về tầm quan trọng trong quản lí hoạt động học tập của học sinh ở các trường dân tộc nội trú tại tỉnh Kiên Giang theo hướng tiếp cận năng lực người học**

**Bảng 2: Nhận thức của CBQL, GV, HS về tầm quan trọng trong QL HĐHT của HS ở các trường DTNT tại tỉnh Kiên Giang theo hướng tiếp cận NL người học**

| Đối tượng khảo sát | CBQL |           | GV |           | HS  |           |
|--------------------|------|-----------|----|-----------|-----|-----------|
|                    | SL   | Tỉ lệ (%) | SL | Tỉ lệ (%) | SL  | Tỉ lệ (%) |
| Rất quan trọng     | 11   | 57,89     | 43 | 71,67     | 243 | 81,00     |
| Quan trọng         | 5    | 26,32     | 10 | 16,67     | 41  | 13,67     |
| Ít quan trọng      | 3    | 15,79     | 7  | 11,67     | 16  | 5,33      |
| Không quan trọng   | 0    | 0         | 0  | 0         | 0   | 0         |

Kết quả khảo sát ở Bảng 2 cho thấy, hầu hết các khách thể đều khẳng định vai trò và tầm quan trọng của việc QL HĐHT của HS người DTTS, đặc biệt là bản thân các em HS - chủ thể trong HĐHT đã khẳng định vai trò này “Rất quan trọng” ở tỉ lệ cao, không có khách thể nào cho rằng, đây là vai trò “Không quan trọng”. Điều này có nghĩa là, chính bản thân người học đã xem QL HĐHT HS người DTTS có vai trò rất quan trọng trong việc GD HS ý thức giữ gìn cảnh quan, mỹ quan nhà trường; bảo quản, sử dụng đồ dùng, trang thiết bị phòng học, phòng ở trường; công tác tổ chức và QL HS ở nội trú; GD hướng nghiệp và dạy nghề cho HS; ... Ngược lại, nhận thức của CBQL về vai trò và tầm quan trọng của cán bộ QL HĐHT của HS DTTS ở mức độ “Rất quan trọng” với tỉ lệ thấp nhất và mức độ “Ít quan trọng” chiếm tỉ lệ cao nhất trong ba

**Bảng 1: Kết quả đánh giá phân loại học tập của HS tại các trường phổ thông DTNT trên địa bàn tỉnh Kiên Giang năm học 2019 - 2020**

| TT | Trường                | Số HS | Xếp loại học lực |      |     |      |            |      |     |     |     |   |
|----|-----------------------|-------|------------------|------|-----|------|------------|------|-----|-----|-----|---|
|    |                       |       | Giỏi             |      | Khá |      | Trung bình |      | Yếu |     | Kém |   |
|    |                       |       | SL               | %    | SL  | %    | SL         | %    | SL  | %   | SL  | % |
| 1  | Phổ thông DTNT tỉnh   | 417   | 28               | 6,7  | 162 | 38,8 | 213        | 51,1 | 14  | 3,4 |     |   |
| 2  | THCS DTNT Giồng Riềng | 248   | 32               | 12,9 | 86  | 34,7 | 121        | 48,8 | 9   | 3,6 |     |   |
| 3  | THCS DTNT Gò Quao     | 247   | 32               | 13,0 | 92  | 37,2 | 113        | 45,7 | 10  | 4,0 |     |   |
| 4  | THCS DTNT Châu Thành  | 245   | 25               | 10,2 | 68  | 27,8 | 138        | 56,3 | 14  | 5,7 |     |   |
| 5  | THCS DTNT An Biên     | 235   | 19               | 8,1  | 98  | 41,7 | 110        | 46,8 | 8   | 3,4 |     |   |
| 6  | THCS DTNT Hà Tiên     | 246   | 24               | 9,8  | 81  | 32,9 | 130        | 52,8 | 11  | 4,5 |     |   |

(Nguồn: Sở GD&ĐT Kiên Giang năm 2020)

khách thể được khảo sát. Từ nhận thức này đã dẫn đến NL QL của các chủ thể tham gia QL quá trình học tập của HS ở trường học có biểu hiện chưa theo kịp sự phát triển của quá trình học tập của HS các trường phổ thông DTNT trên địa bàn tỉnh Kiên Giang về QL hình thức học tập; về QL nội dung học tập; về QL quá trình học tập; về QL phương tiện học tập,... cũng như thực hiện nhiệm vụ QL HĐHT của HS có sự hướng dẫn và không có sự hướng dẫn của GV; đồng thời việc làm này chưa đáp ứng yêu cầu mục tiêu QL của các thành viên tham gia quá trình QL HĐHT của HS trong thực tiễn nhà trường. Chính vì vậy, các nhà QL cần nhận thức đúng hơn về trách nhiệm các tổ chức, cá nhân tham gia QL HĐHT của HS ở các trường DTNT.

Kết quả khảo sát ở Bảng 3 cho thấy, HĐHT được đánh giá thực hiện ở mức cao nhất trong bảng xếp hạng đó là: *Hình thức tự học không có sự hướng dẫn của GV bao gồm: đọc sách, đọc bài giảng, nghiên cứu tài liệu, làm bài tập, chuẩn bị bài seminar, ...* (xếp hạng 1); *HĐHT của HS là hoạt động tự học của HS không có sự hướng dẫn của GV* (xếp hạng 2); *Hoạt động học của HS thể hiện sức ép về nội dung học tập, quá trình nhận thức, tri thức cần lĩnh hội vượt ra khỏi sách giáo khoa* (xếp hạng 3). Đây là thực trạng những yếu tố của HĐHT được đa

số người khảo sát đánh giá là có tác dụng tốt nhất đến chất lượng học tập của HS người Khmer ở các trường DTNT. Trong đó, các yếu tố thuộc về vai trò hoạt động tự học của HS không có sự hướng dẫn của GV, được đa số người khảo sát đánh giá là có tác động rất lớn đến chất lượng học tập của HS.

Trong khi đó, các yếu tố HĐHT thuộc về nhận thức, về đối tượng, mục tiêu HĐHT và diễn biến hoạt động học có sự hướng dẫn của GV, có chỉ số đánh giá là thấp nhất trong bảng xếp hạng (từ hạng 9 đến hạng 11). Chúng tỏ rằng, đa số người được khảo sát đánh giá sự thể hiện về mặt nhận thức vai trò của các yếu tố HĐHT này là thật sự chưa đảm bảo yêu cầu của các mục tiêu HĐHT đề ra và thực trạng về vai trò các yếu tố của HĐHT có tác động chưa nhiều đối với việc đảm bảo, nâng cao chất lượng học tập của HS. Thực trạng các yếu tố của HĐHT được đánh giá thấp, là nguyên nhân giải thích cho kết quả thực trạng chất lượng GD HS ở các trường DTNT trên địa bàn tỉnh Kiên Giang thời gian qua chưa được tốt trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long cũng như các vùng tương tự trong cả nước vì QL HĐHT của HS không có hướng dẫn của GV, đòi hỏi ý thức tự học và tinh thần tự học, ý chí vượt khó và cần cù chăm chỉ của mỗi cá nhân HS là rất cao, mới có thể thành công được trong học tập. Công

**Bảng 3: Thực trạng vai trò các yếu tố HĐHT đối với chất lượng học tập của HS ở các trường phổ thông DTNT tỉnh Kiên Giang**

| STT | Nội dung   | Mức độ đánh giá |        |              |            |         |
|-----|--|-----------------|--------|--------------|------------|---------|
|     |  | Rất đồng ý      | Đồng ý | Không đồng ý | Trung bình | Thứ bậc |
| 1   | Hoạt động học của HS diễn ra dưới sự điều khiển trực tiếp của GV thông qua chương trình của Bộ GD&ĐT quy định.   | 21              | 257    | 101          | 1.79       | 11      |
| 2   | Hoạt động học của HS chủ yếu hướng vào hình thành phương pháp học cho bản thân.  | 52              | 241    | 86           | 1.91       | 5       |
| 3   | Hoạt động học của HS thể hiện tính chất, nội dung, phương pháp, hình thức, tính năng động, độc lập, tự chủ trong học tập của các em cao hơn trước.   | 34              | 236    | 109          | 1.80       | 10      |
| 4   | Hoạt động học của HS thể hiện sức ép về nội dung học tập, quá trình nhận thức, tri thức cần lĩnh hội vượt ra khỏi sách giáo khoa.  | 49              | 262    | 68           | 1.95       | 3       |
| 5   | Hoạt động học của HS thể hiện tính năng động và độc lập trong học tập của các em một cách rõ rệt.  | 48              | 252    | 79           | 1.92       | 4       |
| 6   | Hoạt động học của HS thể hiện thái độ nghiêm túc trong học tập; sự hứng thú trong học tập; tính chủ định trong học tập của các em một cách rõ nét.   | 54              | 234    | 91           | 1.90       | 6       |
| 7   | Hoạt động học tập của HS là hoạt động tự học của HS có sự hướng dẫn của GV.  | 42              | 249    | 88           | 1.88       | 7       |
| 8   | Hoạt động học tập của HS là hoạt động tự học của HS không có sự hướng dẫn của GV.  | 45              | 272    | 62           | 1.96       | 2       |
| 9   | Các hình thức tự học có hướng dẫn của GV bao gồm: các giờ học trên lớp, các seminar, thảo luận nhóm, học tại phòng thí nghiệm, đi dã ngoại, học ở hiện trường.   | 13              | 298    | 68           | 1.85       | 8       |
| 10  | Hình thức tự học không có sự hướng dẫn của GV bao gồm: đọc sách, đọc bài giảng, nghiên cứu tài liệu, làm bài tập, chuẩn bị bài seminar,...   | 36              | 296    | 47           | 1.97       | 1       |
| 11  | Quy trình tự học của HS có 3 giai đoạn: 1/ Tự nghiên cứu - HS tự tìm ra kiến thức mới; 2/ Tự thể hiện- tự trình bày kiến thức phát hiện; 3/ Tự kiểm tra, tự điều chỉnh - tự điều chỉnh sản phẩm sau khi nghe tập thể đóng góp. | 16              | 274    | 89           | 1.81       | 9       |

tác QL các hình thức học tập chưa đạt yêu cầu cao, là một trong những nguyên nhân chính ảnh hưởng đến chất lượng GD HS ở các trường DTNT thấp kém là điều cần thiết phải mà các nhà QL phải nghiên cứu, quan tâm sâu sắc hơn.

Qua kết quả khảo sát Bảng 4, cho thấy đánh giá nội dung về KN nghe và ghi chép bài trên lớp; KN làm bài tập ở nhà; KN tự kiểm tra, đánh giá quá trình tự học của HS các trường DTNT tỉnh Kiên Giang được là tương đối thuận lợi hơn các tiêu chí khác trong bảng khảo sát nên được đánh giá cao trong bảng xếp hạng (hạng 1-3). Tuy nhiên, thực trạng QL KN đọc sách và tài liệu chuyên môn và KN lập kế hoạch tự học của HS ở các trường phổ thông DTNT trên địa bàn tỉnh Kiên Giang hiện nay là rất khó khăn, chưa hiệu quả như mong muốn, trong đó KN tự học của HS đóng vai trò quan trọng, tác động trực tiếp đến chất lượng học tập của HS nhưng tính hiệu quả của việc tự học của các em thì không cao, chỉ mang tính trung bình (đạt 1,33%), các em chưa sử dụng tốt các KN tự học khi có hướng dẫn của GV và tự học không có hướng dẫn của GV. Đây cũng là nguyên nhân dẫn đến chất lượng GD HS ở các trường DTNT trên địa bàn tỉnh Kiên Giang thấp. Thực trạng việc QL các KN học tập của HS là rất khó khăn

đối với nhà trường, vì các KN học tập của HS cũng cần thiết phải do yếu tố cá nhân HS quyết định, rèn luyện cần mẫn mới hình thành. Việc QL chỉ mang tính chất nhắc nhở, theo dõi, động viên chứ chưa thể quyết định chất lượng KN này của từng cá nhân HS.

Kết quả khảo sát Bảng 5 cho thấy, QL HĐHT của HS dưới sự hướng dẫn của GV thông qua hình thức học phụ đạo, học thông qua tổ chức seminar và học theo thời khóa biểu chính khóa là những tiêu chí được người đánh giá là được QL tốt nhất trong các tiêu chí QL học tập của HS thông qua hình thức tự học có hướng dẫn của GV. Trong khi đó, chất lượng QL HĐHT của HS thông qua các hình thức học tập qua trải nghiệm, học tập ở trường và học tập qua tham quan mô hình thực tế chưa đạt yêu cầu mục tiêu học tập phong phú, gần gũi, thiết thực với thực tế cuộc sống của nội dung và kinh nghiệm sống của HS. Đây cũng là nội dung đánh giá thực trạng QL HĐHT thông qua các hình thức học tập của HS các trường DTNT tỉnh Kiên Giang, giúp cho nhà QL GD có sự điều chỉnh tốt hơn để góp phần nâng cao chất lượng GD thông qua các hình thức học tập này là cần thiết.

**Bảng 4: Thực trạng NL sử dụng các KN học tập của HS các trường DTNT tỉnh Kiên Giang**

| TT | Nội dung                                   | Mức độ đánh giá |             |          |            |         |
|----|--|-----------------|-------------|----------|------------|---------|
|    |  | Rất tốt         | Đạt yêu cầu | Chưa tốt | Trung bình | Thứ bậc |
| 1  | KN lập kế hoạch tự học.                    | 21              | 84          | 274      | 1.33       | 4       |
| 2  | KN nghe và ghi chép bài trên lớp.          | 69              | 209         | 101      | 1.92       | 1       |
| 3  | KN đọc sách và tài liệu chuyên môn.        | 10              | 87          | 282      | 1.28       | 5       |
| 4  | KN làm bài tập ở nhà.                      | 82              | 68          | 228      | 1.61       | 2       |
| 5  | KN tự kiểm tra, đánh giá quá trình tự học. | 24              | 86          | 269      | 1.35       | 3       |

**Bảng 5: Thực trạng QL hoạt động học của HS có sự hướng dẫn của GV thông qua QL các hình thức học tập**

| TT | Nội dung   | Mức độ đánh giá |             |          |            |         |
|----|--|-----------------|-------------|----------|------------|---------|
|    |  | Rất tốt         | Đạt yêu cầu | Chưa tốt | Trung bình | Thứ bậc |
| 1  | QL hoạt động tự học của HS thông qua hình thức học trên lớp theo thời khóa biểu.                         | 119             | 214         | 46       | 2.19       | 3       |
| 2  | QL hoạt động tự học của HS thông qua hình thức học ở trường theo chương trình nội dung kế hoạch dạy học. | 12              | 268         | 99       | 1.77       | 5       |
| 3  | QL hoạt động tự học của HS thông qua hình thức học tổ chức seminar môn học.                              | 51              | 279         | 49       | 2.01       | 2       |
| 4  | QL hoạt động tự học của HS thông qua hình thức học qua tham quan mô hình theo môn học.                   | 27              | 255         | 97       | 1.82       | 4       |
| 5  | QL hoạt động tự học của HS thông qua hình thức học qua trải nghiệm KN môn học phù hợp thực tế cuộc sống. | 11              | 270         | 108      | 1.75       | 6       |
| 6  | QL hoạt động tự học của HS thông qua hình thức học phụ đạo theo kế hoạch của GV bộ môn.                  | 114             | 236         | 29       | 2.22       | 1       |

### 2.3. Giải pháp đổi mới quản lý hoạt động học tập học sinh theo hướng tiếp cận năng lực người học

QL hoạt động dạy và học các trường DTNT là một trong những nhiệm vụ nặng nề và phức tạp, bởi lẽ đối tượng HS từ nhiều địa phương khác nhau (đặc thù tỉnh Kiên Giang vừa có biển, đảo; vừa có núi, vừa có rừng, vừa giáp biên giới...), phong tục tập quán cũng khác nhau (HS dân tộc: Khmer, Hoa, Chăm...), NL, sở trường, tâm sinh lý khác nhau về tụ họp cùng một mái trường và kí túc xá trong nhà trường... “*Vừa là trường, vừa là nhà của HS*”. Quán triệt tinh thần trên, nhà trường cần triển khai thực hiện có hiệu quả một số giải pháp sau:

**Thứ nhất:** *Kế hoạch hóa HĐHT của HS ở các trường phổ thông DTNT theo tiếp cận NL.* Cung cấp các tài liệu hướng dẫn về cách rèn luyện KN tự học hiệu quả cho HS ở các trường phổ thông DTNT như thực hiện các hoạt động trải nghiệm STEM và NL hoạt động nghiên cứu khoa học, kĩ thuật; Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, hội thảo, thực hành,... ứng dụng các KN tự học hiệu quả để HS vận dụng vào thực tế hoạt động học tập; GV phải thường xuyên tìm hiểu, hỗ trợ, kiểm tra, nhắc nhở, giúp đỡ, động viên,... HS về việc vận dụng các KN tự học phù hợp với từng nội dung, phù hợp các hình thức tự học thực tế hàng ngày trên lớp và ở nhà. GV phải định kì yêu cầu HS thực hiện việc giải trình, báo cáo hoạt động tự học; Trình bày những khó khăn, vướng mắc khi thực hiện nhiệm vụ học tập; GV giám sát sản phẩm tự học của HS,... từ đó giúp đỡ HS tự học đúng cách, hiệu quả.

**Thứ hai:** *Bồi dưỡng nâng cao NL QL HĐHT theo tiếp cận NL cho CBQL ở các trường phổ thông DTNT.* Hình thành hệ thống bộ máy QL HĐHT HS trường phổ thông DTNT; đứng đầu là hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng; kế đến là tổ trưởng chuyên môn; GV bộ môn và GV chủ nhiệm; Ban hành quy chế hoạt động của hệ thống bộ máy tổ chức QL HĐHT HS ở trường phổ thông DTNT một cách khoa học, cụ thể, rõ ràng, xác định vai trò, trách nhiệm, cách thực hiện nhiệm vụ từng thành viên, chế độ báo cáo thường xuyên, định kì của từng bộ phận, từng thành viên trong hệ thống QL một cách chặt chẽ. Thường xuyên tổ chức các buổi tập huấn KN, hội thảo chuyên đề, hội nghị đánh giá tổng kết, bồi dưỡng KN QL,... HĐHT ở trường phổ thông DTNT cho các chủ thể QL theo yêu cầu nhiệm vụ đặt ra

**Thứ ba:** *Bồi dưỡng nâng cao NL cho đội ngũ giảng dạy ở các trường phổ thông DTNT.* Cung cấp tài liệu và hướng dẫn sử dụng các tài liệu về lí thuyết HĐHT của HS ở trường phổ thông DTNT, về lí thuyết QL HĐHT HS cho đội ngũ CBQL và GV. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, hội thảo chuyên đề, xem video báo cáo chuyên đề, nghe các chuyên gia GD học tư vấn,... và tham quan học tập các mô hình về QL HĐHT HS ở trường phổ thông DTNT hiệu quả. Xây dựng lí thuyết mô hình mẫu để thực hành về QL HĐHT của HS tại trường, tổ chức thực hiện, tổng

kết, đánh giá, rút kinh nghiệm để triển khai đại trà.

**Thứ tư:** *Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường với các tổ chức xã hội trong công tác QL HĐHT của HS ở các trường phổ thông DTNT.* Nhà trường xây dựng kế hoạch phối hợp với từng lực lượng cụ thể; xây dựng hệ thống thông tin hai chiều chặt chẽ giữa nhà trường và gia đình. Các thông tin về HS được cung cấp kịp thời đến gia đình thông qua GV chủ nhiệm. HS nào học tập chưa chuyên cần đều được kịp thời thông báo đến gia đình để phối hợp nhắc nhở. Vận động gia đình HS tham dự đầy đủ các cuộc họp do nhà trường mời và đóng góp ý kiến góp phần phát triển toàn diện nhà trường. Việc giữ mối liên lạc thường xuyên và hiểu được khá đầy đủ các hoạt động của nhà trường sẽ giúp gia đình HS có niềm tin khi gửi gắm con em học tập tại trường. Các đoàn thể của nhà trường cần phối hợp với nhà trường vận động GV tích cực giảng dạy, tích cực GD, thông qua dạy chữ để dạy người, là cầu nối quan trọng giữa nhà trường với HS; thật sự tạo ra nhiều phong trào thiết thực, tạo ra sân chơi lành mạnh cho HS trải nghiệm, góp phần nâng cao chất lượng GD. Đoàn trường là bộ phận tự quản và thường trực thi đua, giúp nhà trường đánh giá chính xác NL học tập và rèn luyện của HS và góp phần giữ vững nề nếp kỉ cương. Hội Chữ thập đỏ, Hội Khuyến học tổ chức nhiều hoạt động như: Quyên góp giúp đỡ bạn nghèo, xây dựng “*học bổng xanh*”, khen thưởng HS nghèo vượt khó... góp phần GD tinh thần tương thân tương ái và lòng nhân đạo cho các em. Việc tổ chức hoạt động tự quản thông qua Ban Cán sự lớp, Ban Chấp hành Đoàn, Đội, ... sẽ giúp nhà trường nắm bắt kịp thời tình hình học tập và rèn luyện của mỗi HS và công tác giảng dạy, công tác chủ nhiệm của GV để từ đó có những giải pháp QL kịp thời. Hoạt động này cũng giúp HS rèn luyện KN sống, đồng thời bồi dưỡng NL lãnh đạo cho HS từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường.

**Thứ năm:** *Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin* để đảm bảo các điều kiện thực hiện các giải pháp trên bằng cách sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, nguồn vốn huy động từ cộng đồng để đầu tư về cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học hiệu quả hoặc Nhà trường tự tổ chức trang bị đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị theo nhu cầu phát triển của nhà trường.

### 3. Kết luận

Trường DTNT là một thiết chế GD đặc biệt dành cho con em đồng bào các dân tộc. Nơi đây phải làm tốt việc hình thành, phát triển nhân cách con người. Trong đó, việc QL HĐHT của HS DTNT là một nhiệm vụ hết sức quan trọng, được xem là “*xương sống*” của công tác chuyên môn. Muốn nâng cao chất lượng GD ĐT nhất thiết là phải xây dựng tốt công tác GD, nuôi dưỡng, ăn ở, sinh hoạt mọi mặt cho HS sao cho “*HS coi trường là nhà*,”

thầy cô là cha mẹ”. Từ mái trường này, HS phải được an toàn, yên vui, không có tệ nạn xã hội và trưởng thành về trí tuệ, thể chất, nhân cách, thẩm mỹ, nhất là KN ứng xử với mọi người xung quanh.... Cùng với đó, đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên phải tâm huyết, có tinh thần trách nhiệm cao, thương yêu, ân cần, chia sẻ, tận tụy, dạy bảo, hướng dẫn học trò trong đời sống, sinh hoạt; thực hiện đầy đủ mọi chính sách và kịp thời đáp ứng các điều kiện

phục vụ sinh hoạt ăn, ở, vui chơi, học tập cho HS trong điều kiện cho phép.

Với những vấn đề trên, công tác ĐT của tỉnh Kiên Giang luôn đóng vai trò quan trọng, nhằm xây dựng một nguồn nhân lực có chất lượng cao là yếu tố then chốt, có ý nghĩa quyết định, vừa là yêu cầu vừa là động lực cho sự phát triển của tỉnh nhà.

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2011), *Nâng cao chất lượng đào tạo các trường phổ thông dân tộc nội trú*, Hà Nội.
- [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo - Ngân hàng phát triển Châu Á, (2013), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về quản lý trường phổ thông dân tộc nội trú*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [3] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2018), Ban quản lý chương trình ETEP, *Phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo*.
- [4] Đỗ Văn Tuấn, *Tìm hiểu về GD STEM - Là nhưng không mới*, Báo Tin học và Nhà trường, số 182. <http://megastudy.edu.vn/chia-se/tim-hieu-ve-giao-duc-stem-la-nhung-khong-moi-sh180.html>.
- [5] Nguyễn Công Khanh, (2015), *Đánh giá học sinh theo cách tiếp cận năng lực*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [6] Phạm Minh Hạc, (2010), *Một số vấn đề giáo dục Việt Nam đầu thế kỷ XXI*, NXB Giáo dục Việt Nam.
- [7] Trần Kiểm, (2007), *Giáo trình Tiếp cận hiện đại trong quản lý giáo dục*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

## INNOVATING THE MANAGEMENT OF STUDENTS' LEARNING ACTIVITIES AT KIEN GIANG BOARDING SCHOOL FOR ETHNIC MINORITY STUDENTS BASED ON A COMPETENCE-ORIENTED APPROACH

### Thieu Van Nam

Kien Giang Department of Education and Training  
131 Dong Da, Rach Gia city, Kien Giang, Vietnam  
Email: namtv.khtc@kiengiang.edu.vn

**ABSTRACT:** *Managing learning activities of students is to give teachers and learners a close connection, not only by the mechanism of the organization's activities but also by the activities of the teachers themselves and the student. Students always play the role of the ultimate goal to achieve the highest results in the implementation of education. The article examined some issues on the management of learning activities of students at Kien Giang boarding high school for ethnic minority students based on a competence-oriented approach.*

**KEYWORDS:** *Innovating; boarding high school for ethnic minority students; managing learning activities; competence-oriented approach.*